

Phụ lục 1

Tỉnh Đồng Nai

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2020		Dự kiến giai đoạn 2021-2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của BộKHĐT	Ghi chú
		Kế hoạch	Giải ngân đến 31/01/2021			
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	24.423.592	12.757.834	74.586.904	67.789.000	
A	Vốn ngân sách địa phương	7.312.652	6.593.391	37.233.289	33.504.500	
	Trong đó:					
-	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3.931.652	3.447.341	18.299.131	18.299.100	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.841.000	1.742.192	10.000.000	7.500.000	
	Trong đó:					
	+ Phân bổ vốn theo dự án	1.299.103	1.200.295	6.000.000	4.500.000	
	+ Bổ sung quỹ phát triển nhà và quỹ phát triển đất	541.897	541.897	4.000.000	3.000.000	
-	Xổ số kiến thiết	1.540.000	1.403.858	8.100.000	7.700.000	
-	Bội chi ngân sách địa phương	0		834.158	5.400	
B	Nguồn khai thác đấu giá đất			23.000.000	23.000.000	
C	Vốn ngân sách trung ương	17.110.940	6.164.443	14.353.615	11.284.500	
I	Vốn trong nước	17.110.940	6.164.443	12.321.015	9.251.900	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực					
	Trong đó:					
-	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	17.057.567	6.125.591	4.660.965	4.660.000	
-	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững			4.312.000	2.000.000	
-	Hỗ trợ có mục tiêu	53.373	38.852	3.348.050	2.591.900	
II	Vốn nước ngoài	0	0	2.032.600	2.032.600	

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				45.968		135.000		135.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện				1.000		480.000		480.000	UBND thành phố Biên Hòa
20	Xây dựng cầu Vàm Cái Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	tối đa 5 năm	388.000	106.441	0	126.500	0	126.500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Cải tạo nâng cấp đường ĐT,768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT,767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	tối đa 5 năm	671.200	355.353	0	164.700	0	164.700	-
	Trong đó:									-
a	Cải tạo nâng cấp đường ĐT,768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường ĐT,767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				96.653		105.000		105.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện				258.700		59.700		59.700	UBND huyện Vĩnh Cửu
22	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	77.971	1.000	50.000		50.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
23	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	79.788	1.000	52.000		52.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
24	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	1.289.160	120.000		600.000	100.000	600.000	UBND thành phố Biên Hòa
25	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	53058	500	50.000		50.000		UBND thành phố Long Khánh
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội							37.100	0	-
II.1	Dự án chuyển tiếp							37.100	0	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	BH	2018-2022	54.846	24.660	27.000		27.000		Sở Lao động, thương binh và xã hội
2	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (vốn TW đã TB 15 tỷ)	BH	2019-2023	49.953	2.700					Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành (NST hỗ trợ xây lắp, không hỗ trợ thiết bị)	LT	2020-2022	27.231	8.000	8.000		8.000		UBND huyện Long Thành
4	Dự án đầu tư xây mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch + sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch (NST hỗ trợ hỗ trợ khoảng 8,3 tỷ XD Nhà làm việc UBMTTQ và các đoàn thể)	NT	tối đa 3 năm	19360	2.500	2.100		2.100		UBND huyện Nhơn Trạch
III	Công trình công cộng tại các đô thị							75.000	0	-
III.1	Dự án chuyển tiếp							75.000	0	
1	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2021	181.919	99.563	75.000		75.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
IV	Cấp nước, thoát nước							302.150	0	
IV.1	Dự án chuyển tiếp							302.150	0	
1	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB)	NT	2017-2021	310.753	197.461	3.000		3.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả BTGPMB do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH - LT	2017-2021	157.345	100.715	50.400	0	50.400	0	-
	Trong đó:									-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				8.715	45.400		45.400		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				92.000	5.000		5.000		UBND thành phố Biên Hòa
3	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2021	31.368	16.400	12.000		12.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022	584.830	183.773	135.000		135.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	290.381	14.000		14.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	ĐQ	2019-2021	39.953	9.832	21.000		21.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	26.981	23.500	750		750		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Dan h mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
8	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.991	10.000	4.000		4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhan, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.999	10.000	4.000		4.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
10	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Đình	ĐQ	tối đa 5 năm	65.062	5.849	58.000		58.000		UBND huyện Định Quán
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							741.950	0	-
V.1	Dự án chuyển tiếp							741.950	0	
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ) ngân sách tỉnh 138 tỷ	ĐQ	2017-2022	243.000	62.515	90.000		90.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2023	454.601	287.148	160.000		160.000		UBND huyện Định Quán
3	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2021	131.018	105.427	20.000		20.000		UBND thành phố Long Khánh
4	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do TP Biên Hòa thực hiện)	BH	2017-2021	373.172	266.159	71.000	0	71.000	0	-
	Trong đó:									-
a	Dự án kè gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				208.789	66.000		66.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				57.370	5.000		5.000		UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	35.714	12.815	21.000		21.000		UBND huyện Thống Nhất
6	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	75481; 49604	21.371	25.000		25.000		UBND huyện Định Quán
7	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	tối đa 3 năm	55.900	44.375	11.500		11.500		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
8	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	VC	2019-2021	45816	20.401	22.000		22.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài (Ngân sách thị xã chi bồi thường 55,4 tỷ)	LK	tối đa 4 năm	544.659	24.592	171.000		171.000		UBND thành phố Long Khánh
10	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khản cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	tối đa 5 năm	29.119	10.000	17.000		17.000		Chi cục Kiểm lâm
11	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024	131.058	8.295	120.000		120.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
12	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020	ĐN	2019 - 2021	27.795	7.013	-	-	13.450	-	Chi cục Kiểm lâm
V	An ninh và trật tự, an toàn xã hội							468.560	0	-
V.1	Dự án chuyển tiếp							468.560	0	
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2022	654.000	144.361	460.000		460.000		Công an tỉnh Đồng Nai
2	Nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình Công an tỉnh	BH	2021-2023	8.732	123	8.560		8.560		Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Quốc phòng							30.000	0	-
VI.1	Dự án chuyển tiếp							30.000	0	
1	Dự án Quốc phòng ĐA2 (Dự án mật) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)		tối đa 5 năm	125.000	89.392	30.000		30.000		Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VII	Khoa học công nghệ							81.700	0	-
VII.1	Dự án chuyển tiếp							81.700	0	
1	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước	BH	tối đa 3 năm	3500	1600	1700		1700		Sở Tư Pháp
2	Trung tâm chiếu xạ Sở khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)	CM	2017-2021	187.635	46.000	80.000		80.000		Sở Khoa học và Công nghệ
VII	Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch (VB 2465/UBND-KT ngày 08/3/2019)				1.000	100.000		100.000		-
VIII	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch				59.939	100.000		100.000		-
IX	Dự phòng bổ trí bổ sung các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021 và phân bổ các dự án mới giai đoạn 2021-2025					5.174.312	2.327.800	2.638.474	2.094.800	-

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
B	Thực hiện dự án giai đoạn 2021-2025			29.798.621	32.504	2.731.480	19.044.000	4.143.780	19.277.000	
I	Giao thông			26.951.843	19.733	1.335.500	17.902.000	2.025.800	18.777.000	
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	3.247.000	500		3.200.000		3.200.000	UBND thành phố Biên Hòa
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 5 năm	1.146.000	500		1.100.000		1.100.000	UBND thành phố Biên Hòa
3	Dự án xây dựng Công viên và kênh sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	614.100	2.500		110.000		210.000	UBND thành phố Biên Hòa
4	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	110.330		105.000		105.000		UBND huyện Trảng Bom
5	Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 6 năm	713.000	1.400		200.000		200.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 6 năm	1.985.000	1500		600.000	500.000	600.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án Đường Bà Trâm - Xuân Tho, thành phố Long Khánh		2021-2023	30.100	500	27.000		27.000		UBND thành phố Long Khánh
8	Dự án Đường một chiều từ chân lên đỉnh đồi núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 3 năm	12.000	370	5.500		5.500		UBND huyện Thống Nhất
9	Dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tinh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐQ	tối đa 5 năm	103.241	500	48.000		48.000		UBND huyện Định Quán
10	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% xây lắp)	ĐQ	Tối đa 3 năm	36.300	200	22.500		22.500		UBND huyện Định Quán
11	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	tối đa 3 năm	77.600		35.000		35.000		UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1)	BH	tối đa 5 năm	651.813	2.000		532.000		532.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Dự án Mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	ĐQ	tối đa 5 năm	124.000	500	62.000		62.000		UBND huyện Định Quán
14	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000-Km2+000	TN	tối đa 3 năm	59200	200	50.000		50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
15	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 30/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	TB	tối đa 3 năm	52.400	500	26.000		26.000		UBND huyện Trảng Bom
16	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định quán	ĐQ	tối đa 4 năm	239.000	800	220.000		220.000		UBND huyện Định Quán
17	Nâng cấp mở rộng Đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 4 năm	130.000		71.300		71.300		UBND huyện Vĩnh Cửu
18	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 4 năm	93.830		85.000		85.000		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
19	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 39 ty), chưa triển khai do UBND thành phố Biên Hòa chưa thực hiện bồi thường	BH	Tối đa 4 năm	88.609		38.800		38.800		UBND thành phố Biên Hòa
20	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối tỉnh lộ 769 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 5 năm	111.603	700	100.000		100.000		UBND huyện Thống Nhất
21	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhơn Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhơn Trạch, đoạn còn lại), huyện đã đầu tư đường số 9 đến đường số 2	NT	tối đa 5 năm	646.000	500		400.000		400.000	UBND huyện Nhơn Trạch
22	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	120938	800		114.000		114.000	UBND huyện Tân Phú
23	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	CM	tối đa 5 năm	145.437	980	143.400		143.400		UBND huyện Cẩm Mỹ
24	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	tối đa 4 năm	130.000			120.000		120.000	UBND huyện Tân Phú

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
25	Đường Song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	Tối đa 4 năm	199.000			180.000		180.000	UBND huyện Thống Nhất
26	Đường Song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1820+830 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	183.000			160.000		160.000	UBND huyện Thống Nhất
27	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyên hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bên xe Long Khánh và điểm công viên tương đài), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	212.400		82.000		82.000		UBND thành phố Long Khánh
28	Đường Xuân Đường - Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	169.230			160.000		160.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
29	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	189.220			180.000		180.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
30	Đường ấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	59.160		55.000		55.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
31	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	113.620			110.000		110.000	UBND thành phố Long Khánh
32	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	70.310		67.000		67.000		UBND thành phố Long Khánh
33	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhon Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhon Trạch (NST100%,)	NT	tối đa 4 năm	639.040			600.000		600.000	UBND huyện Nhon Trạch
34	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhon Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	157.767			140.000	140.000		UBND huyện Nhon Trạch
35	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	161.500			160.000		155.000	UBND huyện Long Thành
36	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhon Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhon Trạch (NST100%)	LT- NT	Tối đa 4 năm	1.493.500			1.000.000		1.000.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
37	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhon Trạch	NT	tối đa 3 năm	48.740		42.000		42.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
38	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, NST 50%	XL	tối đa 4 năm	359.650	783		171.000		171.000	UBND huyện Xuân Lộc
39	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhon Trạch	NT	tối đa 4 năm	816.335	2.000		750.000		750.000	UBND huyện Nhon Trạch
40	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 4 năm	1.082.000			500.000	50.000	500.000	UBND thành phố Long Khánh
41	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	1.858.000			1.650.000		1.650.000	UBND thành phố Long Khánh
42	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%)	CM- LK	tối đa 4 năm	462.270			450.000		450.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
43	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT. 774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST100%)	TP- ĐQ	tối đa 4 năm	852.060			800.000		800.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
44	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100- Km18+100 và đoạn từ km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST100%)	XL- ĐQ- VC	tối đa 4 năm	935.910			850.000		850.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
45	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Càng (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	875.780			780.000		780.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
46	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	tối đa 4 năm	654.490			620.000		620.000	UBND huyện Trảng Bom
47	Mở rộng đường Lê Duẩn (NST hỗ trợ 50% chi phí xây lắp)	LT	tối đa 4 năm	1.025.670			150.000		150.000	UBND huyện Long Thành
48	Hầm chui kết nối dự án đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị	BH	tối đa 4 năm	310.000			280.000		280.000	UBND thành phố Biên Hòa
49	Dự án Đường trục trung tâm (từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu)	BH	tối đa 5 năm	1.545.000			1.400.000		1.400.000	UBND thành phố Biên Hòa
50	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	174.500			85.000		85.000	UBND huyện Xuân Lộc
51	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	tối đa 4 năm	116.110			110.000		110.000	UBND huyện Xuân Lộc
52	Đường Xuân Thành Trảng Táo (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	113.500		50.000		50.000		UBND huyện Xuân Lộc

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
53	Nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh (100% NST)	XL	tối đa 5 năm	266.740	2.000		100.000		100.000	UBND huyện Xuân Lộc
54	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 4 năm	145.840			140.000		140.000	UBND huyện Định Quán
55	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cẩm Đường (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	620.860				100	580.000	UBND huyện Long Thành
56	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	160090				100	150000	UBND huyện Trảng Bom
57	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hàm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	213.050				100	190.000	UBND huyện Trảng Bom
II	Cấp nước, thoát nước			871.593	6.111	606.992	200.000	651.992	200.000	
1	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	216.200			200.000		200.000	UBND huyện Nhơn Trạch
2	Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	88.920		85.000		85.000		UBND huyện Trảng Bom
3	Dự án xây dựng một số hạng mục thuộc Tiểu dự án trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	10.000	200	9.500		9.500		UBND thành phố Biên Hòa
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2020-2024	99.841	1.432	95.000		95.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024	107.180	1.896	100.000		100.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	38.300		110.492		110.492		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm xử lý nước thải 2000 m ³ / ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai	CM	2019-2021	32.700	233	32.000		32.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án tuyến thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	100.000	408	95.000		95.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	87026	1.942	80.000		80.000		Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai
10	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trừ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	tối đa 4 năm	91.426				45.000		UBND huyện Long Thành
III	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			43.027	-	40.000	-	40.000	-	
1	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	tối đa 3 năm	36.000		33.000		33.000		UBND huyện Xuân Lộc
2	Triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp phần cứng, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo trong công tác phòng cháy chữa cháy	BH	2021-2023	7.027		7.000		7.000		Công an tỉnh Đồng Nai
IV	Môi trường			174.784	3.673	72.488	97.000	169.488	0	
1	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBĐT)	BH	2020-2023	73.641	1.153	72.488		72.488		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn áp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP	tối đa 5 năm	101143	2520		97.000	97.000		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			153.125	500	45.000	-	80.000	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	BH	Tối đa 3 năm	47.625	500	45.000		45.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (NST hỗ trợ 50% chi phí xây dựng khoảng 35 tỷ đồng, phần còn lại từ nguồn tài chính công đoàn tích lũy của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai)	BH	tối đa 4 năm	105.500				35.000		Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai
VI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			11.800	300	11.500	-	1.086.500	300.000	
1	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	tối đa 3 năm	11.800	300	11.500		11.500		Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	107.070		100.000		100.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
3	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sóng Mây, huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	59.770		55.000		55.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
4	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	55.030		50.000		50.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
5	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc	XL	2020-2024	332.900			300.000		300.000	UBND huyện Xuân Lộc
6	Dự án xây dựng mới đập dâng Long Anh, huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	44.550		40.000		40.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
7	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 5 năm	151.440	1.000		145.000	145.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Nạo vét Suối Sân Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	2018-2022	377.000	687	375.000		375.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Kiến cố hóa kênh mương Bà Kỳ (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhon Trạch (ngân sách huyện Nhon Trạch thực hiện bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	207.624			150.000	150.000		UBND huyện Nhon Trạch
10	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiệp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Di An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương	BH	tối đa 3 năm	163.110			160.000	160.000		UBND thành phố Biên Hòa
VII	Xã hội			93.955	500	0	90.000	90.000	0	
1	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	VC	tối đa 5 năm	93.955	500		90.000	90.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
C	Các dự án được UBND tỉnh chấp thuận lập chủ trương đầu tư									
1	Đường gom dân sinh cao tốc Tp.HCM-Long Thành-Dầu giầy (100% NST)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
2	Nâng cấp đường Hương lộ 21 (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
3	Đường lô gạch Cầu Nước trong (đoạn từ QL51 vào KCN Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
4	Đường Vũ Hồng Phô (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
5	Đường Bưng Môn (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
6	Đường Long Phước - Phước Thái (NST)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
7	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cắm Đường (NST 100%)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
8	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Văn Hòa (đoạn từ ngã tư Tam Hiệp đến nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1, thành phố Biên Hòa)	BH				100		100		UBND thành phố Biên Hòa
9	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH				100		100		UBND thành phố Biên Hòa
10	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến giáp ranh tỉnh Bình Dương	BH				100		100		UBND thành phố Biên Hòa
11	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	ĐN				100		100		Công an tỉnh Đồng Nai
12	Dự án đầu tư trang thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ giai đoạn 2021-2025	ĐN				100		100		Công an tỉnh Đồng Nai
13	Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Đồng Nai (NST50%, BCA50%, BCA duyệt CTĐT)	BH				100		100		Công an tỉnh Đồng Nai
14	Đường quan Hồ Núi Le (NST 100%)	XL				100		100		UBND huyện Xuân Lộc

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Xây dựng bờ kè bảo vệ suối đầu nguồn và khu xử lý nước thải đô thị để đảm bảo an toàn vệ sinh nguồn nước tiếp nhận vào Hồ Núi Le (100%)	XL				100		100		UBND huyện Xuân Lộc
16	Đường quanh núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL				100		100		UBND huyện Xuân Lộc
17	Đường Trương Công Định, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL				100		100		UBND huyện Xuân Lộc
18	Tuyến Quốc lộ 1 tránh nội ô thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK				100		100		UBND thành phố Long Khánh
19	Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bàu Trám (NST 100%)	LK				100		100		UBND thành phố Long Khánh
20	Đường Ngô Quyền (đoạn từ đường Vành đai 2 đến cầu Đồng Háp)Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bàu Trám (NST 100%)	LK				100		100		UBND thành phố Long Khánh
21	Kiên cố hóa bờ suối kết hợp công viên cây xanh dọc suối Rết, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK				100		100		UBND thành phố Long Khánh
22	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, kết hợp giao thông nội vùng ở khu vực Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn qua khu vực xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP				100		100		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
23	Đường song hành Quốc lộ 20 phía tây	TN				100		100		UBND huyện Thống Nhất
24	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xã số 1 KCN Dầu Giây	TN				100		100		UBND huyện Thống Nhất
25	Nạo vét và kè hai bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân)	TN				100		100		UBND huyện Thống Nhất
26	Dự án Lát đá vỉa hè qua các khu dân cư dọc Quốc lộ 20, đoạn qua 5 xã Kiệm Tân (NST50%)	TN				100		100		UBND huyện Thống Nhất
27	Dự án Đường N12, huyện Thống Nhất	TN				100		100		UBND huyện Thống Nhất
28	Đầu tư xây dựng đường liên huyện Suối Tre - Bình Lộc (ĐT.770) (NST100%)	LK				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
29	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.772 (Trảng Bom - Xuân Lộc) (NST100%)	TB- XL				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
30	Nâng cấp đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ QL1 đến giao với đường Võ Nguyên Giáp, TP BH và huyện TB	LT- BH- TB				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
31	Xây dựng mới tuyến đường ĐT 768B, TP BH và huyện Vĩnh Cửu	BH- VC				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
32	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hảo phường An Bình thành phố Biên Hòa (NST100%)	BH				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
33	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
34	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An giáp tỉnh Bình Dương (thuộc phường Hóa An và Tân Hạnh)	BH				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
35	Hồ Chứa nước Thoại Hương (chuyên Chủ đầu tư)	CM	tối đa 3 năm			100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
36	Tuyến đường Quang Trung và tuyến Lê Đại Hành, huyện Vĩnh Cửu (100% NST)	VC				100		100		UBND huyện Vĩnh Cửu
37	Đường Vành đai thành phố Biên Hòa (đoạn từ giao Hương lộ 7 đến đoạn giao với ĐT,768), huyện Vĩnh Cửu NST100% (nguồn đất)	VC				100		100		UBND huyện Vĩnh Cửu
38	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC				100		100		UBND huyện Vĩnh Cửu
39	Đường Ven hồ Trị An, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC				100		100		UBND huyện Vĩnh Cửu
40	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC				100		100		UBND huyện Vĩnh Cửu
41	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Láng Nguyên, huyện Vĩnh Cửu NST100%					100		100		UBND huyện Vĩnh Cửu
42	Trạm bơm áp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP				100		100		UBND huyện Tân Phú
43	Nâng cấp sửa chữa đường 118 (đường 118-Sông Đồng Nai)	ĐQ				100		100		UBND huyện Định Quán
44	Nâng cấp sửa chữa đường cầu Trắng	ĐQ				100		100		UBND huyện Định Quán
45	Trạm bơm TaRua xã Suối Nho, huyện Định Quán (100%NST)	ĐQ				100		100		UBND huyện Định Quán
46	Trạm bơm Đồng Hiệp					100		100		UBND huyện Tân Phú
47	Hồ chứa nước Suối Đá, xã Núi Tượng					100		100		UBND huyện Tân Phú
48	Dự án trang thiết bị kiểm soát không chế thiết bị bay không người lái trong bảo đảm an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	ĐN				100		100		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021- 2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
49	Đường Vành đai Long Giao (giai đoạn 1) (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB), (thực hiện từ nguồn đầu giá trên địa bàn huyện)	CM				100		100		UBND huyện Cẩm Mỹ
50	Đường N1 huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM				100		100		UBND huyện Cẩm Mỹ
51	Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện ra Suối Cá (NST100%)	CM				100		100		UBND huyện Cẩm Mỹ
52	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sóng Trâu, huyện Trảng Bom (NST100%)	TB				100		100		UBND huyện Trảng Bom
53	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hâm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB				100		100		UBND huyện Trảng Bom
54	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB				100		100		UBND huyện Trảng Bom
55	Cải tạo, chỉnh trang Trung tâm hành chính huyện và xây dựng Trụ sở Trung tâm hành chính công huyện Trảng Bom	TB				100		100		UBND huyện Trảng Bom
56	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	LT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
57	Đường Hương Lộ 12 (Đường Bà Kỳ) (NST 100%)	LT				100		100		UBND huyện Long Thành
58	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769	TN- LT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
59	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773	XL- CM- LK				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
60	Dự án đường 769E đoạn từ ranh Cảng HHKQT Kog Thành đến Vành đai 4	LT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
61	Dự án tuyến đường Vành đai 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT,769	TB-LT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
62	Dự án đường ĐT.770B (từ ĐT,763 đến Quốc lộ 51)	ĐQ- TN- LT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
63	Dự án đường chuyên dùng Phước Bình	LT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
64	Dự án mở rộng đường ra Cảng Phước An (đoạn từ giao với đường 319 đến cao tốc Bến Lức - Long Thành)	LT- NT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
65	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao phỏ), thành phố Biên Hòa	LT- NT				100		100		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
66	Đường Mã Vôi, xã Bảo Hòa, NST100%	XL				100		100		UBND huyện Xuân Lộc
67	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773	CM- XL						1.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
68	Dự án đường ĐT.772	TB- XL						1.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
69	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769	TN- CM- LT						1.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
69	Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B	TP- ĐQ- XL						1.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
	Một số dự án khác theo chủ trương của UBND tỉnh					2090		0		-
D	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện					242.439	0	1.097.946	0	-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn					142.439	0	142.439	0	-
1	Mương thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh – Giang Điền, huyện Trảng Bom (tối đa 20 tỷ)	TB			10.161	9.839		9.839		UBND huyện Trảng Bom
2	Xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (tối đa 35,4 tỷ)	CM			30000	5.400		5.400		UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 3 Lâm Sơn - Quảng Thành, huyện Cẩm Mỹ	CM				29.800		29.800		UBND huyện Cẩm Mỹ
4	Dự án đường từ xã Đắc Lua đi huyện Đăng Hà, tỉnh Bình Phước	TP			30.000	48.400		48.400		UBND huyện Tân Phú

Phụ lục III
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN XÒ SỐ KIẾN THIẾT

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số				828.871	8.100.000	7.700.000	-
A	Thực hiện dự án				824.821	830.560	830.560	-
I	Y tế, dân số và gia đình				353.803	312.870	312.870	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				354.303	312.870	312.870	
1	Khởi điều trị bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	600.000	297.827	240.000	240.000	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
2	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2021	11.940	2.285	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	11.597	2.600	3.900	3.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	16.443	2.300	7.850	7.850	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	15.246	7.791	500	500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	28271	10.000	16.320	16.320	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án xây dựng khu khám và thẩm mỹ Bệnh viện Da liễu Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	30.841	19.000	10.000	10.000	Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
8	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	30.648	12.000	16.500	16.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Cải tạo, nâng cấp, làm mới một số hạng mục đã xuống cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	14.591	500	13.000	13.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				131.067	9.700	9.700	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021					9.700	9.700	
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2021	139.015	127.117	3.500	3.500	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, mương thoát nước và sân khu dạy học trường Đại học Đồng Nai	BH	2020-2022	10.528	3.950	6.200	6.200	Trường Đại học Đồng Nai
III	Văn hóa				144.137	101.000	101.000	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				144.137	101.000	101.000	
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	BH	2018-2022	146.000	49.544	31.600	31.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2021	73.000	37.600	20.000	20.000	UBND thành phố Long Khánh
3	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK	2017-2021	62.976	37.093	2.000	2.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	2.869	1.000	1.500	1.500	UBND huyện Tân Phú
5	Dự án Trung tâm tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	TP	2019-2021	19025	9.000	8.900	8.900	UBND huyện Tân Phú
6	Xây dựng hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao của người dân xung quanh Sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	11.265	4.900	5.600	5.600	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
7	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000KVA tại Sân vận động tỉnh hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao	BH	2020-2022	12.795	5.000	6.400	6.400	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
8	Dự án đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (NST tối đa 25 tỷ đồng, phần còn lại thuộc nguồn vốn của Đài)	BH	2020-2022	35.000		25.000	25.000	Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				9.200	4.800	4.800	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				9.200	4.800	4.800	
1	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	tối đa 03 năm	15.639	9.200	4.800	4.800	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
V	Giao thông				127.470	279.190	279.190	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				127.470	279.190	279.190	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL	tối đa 03 năm	45.698	30.370	11.500	11.500	UBND huyện Xuân Lộc
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (NST 50% + NSH 50%)	LK	tối đa 03 năm	55.991	14.200	10.000	10.000	UBND thành phố Long Khánh
3	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	ĐQ	tối đa 05 năm	297.932	51.600	202.500	202.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường so huyện Định Quán thực hiện)	TP+DQ	tối đa 05 năm	114.660	31.300	55.190	55.190	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
VI	Quốc phòng				44.644	45.000	45.000	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				44.644	45.000	45.000	
1	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 05 năm	91.092	44.644	45.000	45.000	UBND huyện Định Quán
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				14.000	28.000	28.000	
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				14.000	28.000	28.000	
1	Dự án xây dựng văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	48292	14.000	28.000	28.000	Sở Giao thông Vận tải
VIII	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội					50.000	50.000	-
IX	Dự phòng giai đoạn 2022-2025					2.766.340	2.161.540	-
B	Lập chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư				0			-
B.1	Dự án khởi công mới 2021-2025			526.612	4.050	270.500	499.300	-
I	Xã hội			15.000	500	14.500	14.500	
1	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình	TP	Tối đa 3 năm	15.000	500	14.500	14.500	UBND huyện Tân Phú
II	Y tế, dân số và gia đình			188.263	2.250	172.000	171.500	
1	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	14.687	200	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	2019-2021	13.009	300	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	9.630	200	10.000	9.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.291	250	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	BH	2019-2021	8.544	300	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	7.566	300	7.000	7.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.688	400	9.000	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Cải tạo Trung tâm y tế huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	12.611	100	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm y tế huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 3 năm	10.790	100	10.000	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	92.447	100	92.000	92.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			257.330	800	47.000	251.300	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Cao đẳng công nghệ cao (NST100%)	LT	tối đa 3 năm	12.995	400	12.000	12.000	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
2	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	tối đa 3 năm	36.360	400	35.000	35.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025 (lần 1) theo NQ 28/NQ-HĐND	Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn NSTW theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở III tại thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	11.130			10.800	Trường Đại học Đồng Nai
4	Dự án sửa chữa, cải tạo một số công trình Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở 1	BH	tối đa 3 năm	14.900			14.500	Trường Đại học Đồng Nai
5	Dự án cải tạo, làm mới một số hạng mục Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai (cơ sở 2)	NT	tối đa 3 năm	14.900			14.500	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
6	Dự án đầu tư xây dựng mới khối lớp học 03 tầng của Trường cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai	LT	tối đa 3 năm	14.983			14.500	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
7	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia	TB	tối đa 4 năm	152.062			150.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
IV	Văn hóa			66.019	500	37.000	62.000	
1	Sửa chữa cải tạo sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	11.769	500	10.500	10.500	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
2	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà hát nghệ thuật Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	14.940	-	13.500	13.500	Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
3	Dự án Nâng cấp, sửa chữa hệ thống sân đường, hàng rào, mương thoát nước, vỉa hè Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	13.380		13.000	13.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
4	Dự án đầu tư trang thiết bị kiểm soát, khống chế thiết bị bay không người lái trong đảm bảo an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	TB	tối đa 3 năm	25.930			25.000	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
B.2	Lập chủ trương đầu tư							
1	Dự án nhà thi đấu đa năng kết hợp quảng trường thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800	800	UBND thành phố Long Khánh
2	Trung tâm Hành chính công thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800	800	UBND thành phố Long Khánh
3	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trung tâm y tế huyện Biên Hòa	BH				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án xây dựng bệnh viện dã chiến đáp ứng cách ly, điều trị bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	XL				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong	TB				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Cải tạo nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn Quốc Gia	XL				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Xây dựng mới trường THPT Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	NT				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Trùng tu, tôn tạo di tích mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên địa hội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa	BH				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng Liệt sỹ Trung đoàn 4	XL				100	100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Tu tạo Đền thờ Quốc tổ Hùng Vương tại xã Phú Sơn (NST+ XHH)	TP				100	100	UBND huyện Tân Phú
12	Nhà thi đấu đa năng, huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM				100	100	UBND huyện Cẩm Mỹ
	Các dự án khác (khi có chủ trương của UBND tỉnh)					4.000	4.000	-
C	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện					486.000	462.000	-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn					130.000	130.000	-
1	Xây dựng trường mầm non Sóng Ray				15.000	16.500	16.500	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Dự án Xây dựng trường tiểu học - THCS Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu					38.000	38.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Đường 30 tháng 4 huyện Trảng Bom				30.000	18.000	18.000	UBND huyện Trảng Bom
4	Dự án Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai huyện Định Quán					57.500	57.500	UBND huyện Định Quán
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)					356.000	332.000	-

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lấy kế giải ngân đến hết 31/01/2021		Kế hoạch năm 2021		Dự kiến giai đoạn 2021-2025 theo NQ 28/NQ-HDND		Dự kiến giai đoạn 2021-2025 theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Ghi chú	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW											
	Tổng số						31.029.264	26.809.794	18.557.657	18.350.209	7.590.857	7.384.340	4.746.350	4.746.350	12.231.015	11.021.015	11.912.900	8.438.450	
A	Dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa						26.857.000	24.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.660.000	4.660.000	8.972.965	8.972.965	8.661.000	6.660.000	
A.1	Nguồn vốn phân bổ cho dự án quan trọng quốc gia						22.856.000	22.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.660.000	4.660.000	4.660.965	4.660.965	4.660.000	4.660.000	
I	Giao thông						22.856.000	22.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.660.000	4.660.000	4.660.965	4.660.965	4.660.000	4.660.000	
	Chuyển tiếp																		
	Dự án quan trọng quốc gia																		
(1)	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành	7739029, ...	Tỉnh Đồng Nai	Diện tích của Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành (5.000 ha) và diện tích đất xây dựng các khu tái định cư tập trung, diện tích nghĩa trang, diện tích các công trình phục vụ tái định cư	2018 - 2021	1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018	22.856.000	22.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.660.000	4.660.000	4.660.965	4.660.965	4.660.000	4.660.000	Dự án chuyển tiếp
A.2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KT-XH nhanh, bền vững						4.001.000	2.000.000	0	0	0	0	0	0	4.312.000	4.312.000	4.001.000	2.000.000	
I	Giao thông						4.001.000	2.000.000	0	0	0	0	0	0	4.312.000	4.312.000	4.001.000	2.000.000	
	Khởi công mới																		
	Nhóm A																		
(1)	Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch giai đoạn I		Nhơn Trạch	Tuyến đường dài 14,25km và 08 cầu trên tuyến. Quy mô mặt cắt ngang 61m. (Giai đoạn 1: rộng mặt đường 14m, nền đường 21m; phần cầu có bề rộng phần xe chạy 14m, khổ cầu 19m)	2021 - 2025		4.001.000	2.000.000							4.312.000	4.312.000	3.998.000	1.997.000	Đang trình duyệt chủ trương đầu tư
	Chuẩn bị đầu tư																		
	Nhóm A																		
(1)	Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch giai đoạn I		Nhơn Trạch	Tuyến đường dài 14,25km và 08 cầu trên tuyến. Quy mô mặt cắt ngang 61m. (Giai đoạn 1: rộng mặt đường 14m, nền đường 21m; phần cầu có bề rộng phần xe chạy 14m, khổ cầu 19m)	2021 - 2025												3.000	3.000	Đang trình duyệt chủ trương đầu tư
B	Hỗ trợ có mục tiêu						4.172.264	1.953.794	362.622	155.174	334.656	128.139	86.350	86.350	3.258.050	2.048.050	3.251.900	1.778.450	

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lũy kế giải ngân đến hết 31/01/2021		Kế hoạch năm 2021		Dự kiến giai đoạn 2021-2025 theo NQ 28/NQ-HĐND		Dự kiến giai đoạn 2021-2025 theo kết quả thẩm định của Bộ KHĐT		Ghi chú			
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW													
(1)	Dự án trung tâm công tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai	7615404	Biên Hòa	Xây dựng khối nhà hành chính (03 tầng), các khối nhà chức năng (1-2 tầng) và công trình phụ trợ	2020 - 2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.952	45.000	15.000	12.800	1.269			32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	Dự án chuyển tiếp	

Ghi chú: Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020 vốn bố trí năm 2021 là 13.450 triệu đồng chuyển từ nguồn NSTW sang vốn ngân sách tỉnh

Phụ lục V

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư						Lũy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch năm 2020				Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				KH năm 2021			Ghi chú					
						TMDT							Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:			Trong đó:							
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)				
						Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tỉnh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số			Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước		
									Tổng số	Trong đó:			Tổng số			Trong đó:			Tổng số			Trong đó:			Tổng số			Trong đó:	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NGÁN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	
1	Môi trường						1.277.853			5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0			0	2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	
3	<i>Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>																												
a	<i>Dự án nhóm A</i>																												
(1)	Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa, giai đoạn 1)	Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA)	30/08/2017	30/08/2027	246/QĐ-UBND ngày 20/01/2017	6.610.252	1.277.853	0		5.332.399	3.732.679	1.599.720	0			0	0				2.032.600			2.032.600	98.833			98.833	